

Số: 208/QĐ-UBND

Đức Lương, ngày 26 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Đức Lương trình HĐND xã

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐỨC LƯƠNG

Căn cứ Luật chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào biên bản thảo luận ngân sách giữa UBND xã Đức Lương với Phòng Tài Chính huyện Đại Từ và Chi cục thuế huyện Đại Từ về việc thảo luận giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2025;

Theo đề nghị của Ban tài chính xã,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Đức Lương trình HĐND xã quyết định (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Đức Lương, Ban tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT-UB.

CHỦ TỊCH

Ma Thị Hằng

THUYẾT MINH
DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ ĐỨC LƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 208/QĐ-UBND ngày 26/12/2024 của UBND xã Đức Lương)

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ vào biên bản thảo luận ngân sách giữa UBND xã Đức Lương với Phòng Tài Chính huyện Đại Từ và Chi cục thuế huyện Đại Từ về việc thảo luận giao dự toán ngân sách nhà nước huyện Đại Từ năm 2025;

UBND xã Đức Lương thuyết minh dự toán ngân sách năm 2025 cụ thể như sau:

1. Dự toán thu ngân sách năm 2025:

Tổng thu ngân sách năm 2025: 7.220.000.000 đồng

Trong đó:

Thu cân đối: 55.000.000 đồng.

Thu trợ cấp mục tiêu: 2.583.000.000 đồng

Thu trợ cấp cân đối: 4.582.000.000 đồng.

TT	NỘI DUNG	THU NGÂN SÁCH		GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	NSX HƯỞNG	
	<u>PHẦN THU</u>	7.280.000.000	7.220.000.000	
	Tổng thu (A + B+C)	7.280.000.000	7.220.000.000	
A	Tổng thu cân đối (I + II+ ...+VII)	115.000.000	55.000.000	
I	Thu ngoài quốc doanh	20.000.000	20.000.000	
1	Thuế hộ khoán cố định (GTGT)	20.000.000	20.000.000	
II	Thuế SD đất phi nông nghiệp (thuế nhà đất)	-	-	
III	Thuế sử dụng đất NN		-	
IV	Phí - Lệ phí	19.000.000	19.000.000	
	Phí môn bài	5.600.000	5.600.000	
	- Lệ phí chứng thư	13.400.000	13.400.000	

	- Phí lễ đường, bến bãi	-	-	
V	Thuế thu nhập cá nhân	60.000.000	-	
1	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	50.000.000	-	
2	Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	10.000.000	-	
VI	Lệ phí trước bạ đất	16.000.000	16.000.000	
VII	Thu khác tại xã		-	
B	Thu trợ cấp	7.165.000.000	7.165.000.000	
	- Trợ cấp cân đối	4.582.000.000	4.582.000.000	
	- Trợ cấp mục tiêu	2.583.000.000	2.583.000.000	

2. Dự toán chi ngân sách năm 2025:

Tổng chi ngân sách năm 2025: 7.220.000.000 đồng

Trong đó:

- Chi thường xuyên: 7.121.000.000 đồng.

- Chi dự phòng: 99.000.000 đồng.

DVT: Đồng

STT	Nội dung	Dự toán HĐND giao	Huyện đã trừ 10% tiết kiệm chi thường xuyên
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>I</i>	
	Tổng cộng (A+B)	7.220.000.000	
A	Tổng chi ngân sách xã(I+II+III)	7.220.000.000	
I	Chi đầu tư phát triển	0	
1	Chi đầu tư XDCB		
2	Chi đầu tư phát triển khác		
II	Chi thường xuyên	7.220.000.000	
1	Chi công tác dân quân TV, ANTT	1.103.434.440	
a	Chi dân quân tự vệ	749.884.440	
	- Chi lương + BHXH, BHYT, KPCĐ	172.778.440	
	- Chi PC XĐP + BHXH, BHYT	66.776.000	
	- Chi PC DQTV	207.600.000	
	- Thâm niên quân sự	36.000.000	
	- Chi huấn luyện	229.230.000	
	- Chi thường xuyên	37.500.000	

b	Chi an ninh trật tự	353.550.000	
	- Chi PC tổ an ninh trật tự	286.050.000	
	- Hỗ trợ công an chính quy	37.500.000	
	- Chi thường xuyên	30.000.000	
2	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	31.500.000	
	Sự nghiệp văn hoá, thông tin	31.500.000	
3	Sự nghiệp thể thao	62.500.000	
	- Sự nghiệp TT	22.500.000	
	- Chi đại hội TDTT	40.000.000	
4	Sự nghiệp kinh tế	31.500.000	
5	Sự nghiệp xã hội	129.790.000	
	Hưu xã và trợ cấp khác	126.000.000	
	BHYT	3.790.000	
6	Chi QL nhà nước, đảng, đoàn thể	5.762.275.560	
6.1	Quản lý nhà nước	3.056.136.472	
6.1.1	Ủy ban	2.699.343.448	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	1.787.255.448	
	- Chi PC Trưởng xóm	247.104.000	
	- Phó trưởng xóm	84.240.000	
	- PC nhân viên y tế thôn bản	58.968.000	
	- NV y tế kiêm CTV DS	19.656.000	
	- Cộng tác viên thú y	42.120.000	
	- Chi thực hiện chuyển đổi số, cải cách hành chính, đề án 06	50.000.000	
	-Chi trả CBHĐ xã (BV,UNT...)	60.000.000	
	- Chi thường xuyên	350.000.000	
6.1.2	HĐND xã	356.793.024	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	96.913.024	
	- Chi PC TVHĐND	160.622.400	
	- Chi 4,5%BHYT	25.272.000	
	- Kinh phí (phụ cấp 2 ban của HĐND)	8.985.600	
	- Chi thường xuyên	65.000.000	
6.1.3	Đảng cộng sản Việt Nam	958.001.920	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	376.233.920	
	- Chi PC BCH	92.664.000	
	- Chi PC BTCB	247.104.000	

	- Chi tổ chức Đại hội Đảng bộ xã NK 2025-2030	157.000.000	
	- Chi hoạt động thường xuyên	65.000.000	
	- Chi hoạt động (bồi dưỡng phục vụ, hội nghị, kiểm tra, giám sát)	20.000.000	
6.1.4	Mặt trận tổ quốc	498.247.520	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	160.825.120	
	- Chi PC Phó CT MTTQ +BHXH,BHYT	55.598.400	
	- Chi PC Trưởng Ban MT	148.824.000	
	- Chi thường xuyên	12.000.000	
	- Chi cụm dân cư (7 xóm x 8.000.000đ)	56.000.000	
	- Chi thanh tra nhân dân	5.000.000	
	- Chi giám sát cộng đồng	10.000.000	
	- Kinh phí hoạt động BCĐ TD ĐKXD ĐSVH	30.000.000	
	- Kinh phí toàn dân ĐKXD ĐSVH đô thị văn minh	20.000.000	
6.1.5	Đoàn thanh niên CSHCM	264.450.088	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	168.806.088	
	- Chi PC Phó BT Đoàn+ BHXH, BHYT	55.598.400	
	- Bí thư chi đoàn thanh niên	30.045.600	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
6.1.6	Hội phụ nữ Việt Nam	261.642.088	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	168.806.088	
	- Chi PC Phó PN+ BHXH, BHYT	52.790.400	
	- Chi hội trưởng hội PN	30.045.600	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
6.1.7	Hội nông dân Việt Nam	225.311.136	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	132.475.136	
	- Chi PC Phó ND+ BHXH, BHYT	52.790.400	
	- Chi hội trưởng hội ND	30.045.600	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	
6.1.8	Hội cựu chiến binh Việt Nam	221.111.136	
	- Chi lương +BHXH, BHYT, KPCĐ	170.265.536	
	- Chi PC Phó CCB + BHXH, BHYT	10.800.000	
	- Chi hội trưởng hội CCB	30.045.600	
	- Chi thường xuyên	10.000.000	

6.1.9	Hội người cao tuổi	106.127.200	
	- Chi phụ cấp	42.681.600	
	- Chi hội trưởng hội người cao tuổi	30.045.600	
	- Hỗ trợ chi thường xuyên	2.000.000	
	- Chi hoạt động đảm bảo xã hội	10.000.000	
	- Chi khung	2.250.000	
	- Chi mừng thọ NCT (t80,85)	9.050.000	
	- Chi mừng thọ NCT (tuổi 70,75))	10.100.000	
6.1.10	Hội chữ thập đỏ	58.160.000	
	- Chi phụ cấp	49.982.400	
	- BHXH, BHYT	6.177.600	
	- Hỗ trợ chi thường xuyên	2.000.000	
6.1.11	Hội da cam	27.272.000	
	- Chi phụ cấp	25.272.000	
	- Hỗ trợ chi thường xuyên	2.000.000	
6.1.12	Hội khuyến học	29.272.000	
	- Chi phụ cấp	25.272.000	
	- Hỗ trợ đại hội	2.000.000	
	- Hỗ trợ chi thường xuyên	2.000.000	
6.1.13	Hội đông y	27.272.000	
	- Chi phụ cấp	25.272.000	
	- Hỗ trợ chi thường xuyên	2.000.000	
6.1.14	Hội TNXP	29.272.000	
	- Chi phụ cấp	25.272.000	
	- Hỗ trợ đại hội	2.000.000	
	- Hỗ trợ chi thường xuyên	2.000.000	
7	Dự phòng	99.000.000	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	7.220.000	TỔNG SỐ CHI	7.220.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	55.000	I. Tiết kiệm chi	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ ⁽¹⁾	0	II. Chi thường xuyên	7.121.000
III. Thu bổ sung	7.165.000	III. Dự phòng	99.000
- Bổ sung cân đối	4.582.000	IV. Chuyển nguồn cải cách tiền lương	
- Bổ sung có mục tiêu	2.583.000		
IV. Thu chuyển nguồn			

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025
(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025 (năm hiện hành)		DỰ TOÁN NĂM 2025		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU	7.280.000	7.280.000	7.220.000	7.220.000		
I	Các khoản thu 100%	13.400	13.400	13.400	13.400		
	Phí, lệ phí	13.400	13.400	13.400	13.400		
	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		-				
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		-				
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		-				
	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định		-				
	Đóng góp của nhân dân theo quy định		-				
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		-				
	Thu khác	0	-	0	0		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	101.600	101.600	41.600	41.600		
1	Các khoản thu phân chia	21.600	21.600	21.600	21.600		
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		-				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		-				
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	5.600	5.600	5.600	5.600		
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất	16.000	16.000	16.000	16.000		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	80.000	80.000	20.000	20.000		
	Thuế GTGT	20.000	20.000	20.000	20.000		
	Thuế TNDN từ CN bất động sản	50.000	50.000				
	Thuế TNCN từ SXKD	10.000	10.000				
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		-				

IV	Thu chuyển nguồn cải cách tiền lương		-	-	-		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		-				
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	7.165.000	7.165.000	7.165.000	7.165.000		
	- Thu bổ sung cân đối	4.582.000	4.582.000	4.582.000	4.582.000		
	- Thu bổ sung có mục tiêu	2.583.000	2.583.000	2.583.000	2.583.000		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024 (năm hiện hành)			DỰ TOÁN NĂM 2025				ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ		
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	7.220.000	0	7.220.000	7.220.000		7.220.000			
	Trong đó									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyên giao công nghệ									
3	Chi y tế									
4	Chi văn hóa, thông tin	31.500		31.500	31.500		31.500			
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		0	0		0			
6	Chi thể dục thể thao	62.500		62.500	62.500		62.500			
7	Chi bảo vệ môi trường									
8	Chi các hoạt động kinh tế	31.500		31.500	31.500		31.500			
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	5.762.276		5.762.276	5.762.276		5.762.276			
10	Chi cho công tác xã hội	129.790		129.790	129.790		129.790			
11	Chi dân quân tự vệ, an ninh	1.103.434		1.103.434	1.103.434		1.103.434			
12	Dự phòng ngân sách	99.000		99.000	99.000		99.000			
13	chi chuyên nguồn	0		0	0		0			
14	Tiết kiệm chi	0		0	0		0			

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN⁽¹⁾ NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị:
tr.đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2024	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2024	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		3.026	1.001	743	647	2.445		1.444	1.001
1. Công trình chuyển tiếp		0	0	0	0	0		0	
2. Công trình khởi công mới		3.026	1.001	743	647	2.445		1.444	1.001
Đường giao thông nông thôn xã Đức Lương. Hạng mục: Nối tiếp tuyến đường bê tông xi măng xóm Cầu Sào(Khu Cây Quýt) và nối tiếp tuyến đường Tiên Phong (khu Rộc Mán)	2024-2025	273	100	66	66	273		173	100
Đường giao thông nông thôn xã Đức Lương; HM: Nối tiếp tuyến đường Thống Nhất (Tiếp tuyến đường khu Làng Cháy) và nối tiếp tuyến đường Thống Nhất (Tiếp tuyến đường khu Cây Thi).	2024-2025	540	307			540		233	307
Đường giao thông nông thôn xã Đức Lương; Hạng mục: Nối tiếp tuyến đường Tiên Phong (Tiếp tuyến đường khu Rộc Mán).	2024-2025	539	306			539		233	306
Đường giao thông nông thôn xã Đức Lương năm 2024 (gói 2). Hạng mục: Đường bê tông xi măng xóm Thống Nhất, Tiên Phong	2024-2025	117	98			117		19	98
Đường giao thông nông thôn xã Đức Lương năm 2024 (gói 1). Hạng mục: Đường bê tông xi măng xóm Trung Tâm, Cầu Sào, Thống Nhất, Tiên Phong, Trại Vải.	2024-2025	368	190			368		178	190
Mở rộng hành lang khu trung tâm xã Đức Lương	2024-2025	1.189		677	581	608		608	

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM 2025

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM 2025			KẾ HOẠCH NĂM 2024		
	(năm hiện hành)			THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)			
TỔNG SỐ	180	180	0	180	180	0
1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách	180	180	0	180	180	0
Quỹ nhân Đạo	30	30	0	30	30	0
Quỹ trẻ thơ	30	30	0	30	30	0
Quỹ đền ơn đáp nghĩa	30	30	0	30	30	0
Quỹ NCT	30	30	0	30	30	0
Quỹ Vì người nghèo	30	30	0	30	30	0
Quỹ khuyến học	30	30	0	30	30	0
2. Các hoạt động sự nghiệp	0					
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+ ...						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi

Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

UBND HUYỆN ĐẠI TỪ
UBND XÃ ĐỨC LƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – tự do – hạnh phúc

Báo cáo công khai số liệu và thuyết
minh dự toán ngân sách xã năm
2025 trình HĐND.

Đức Lương, ngày 26 tháng 12 năm 2024

Kính gửi: - Phòng Tài chính kế hoạch huyện Đại Từ
- Đảng Ủy, HĐND, UB MTTQ xã Đức Lương
- Các tổ chức chính trị xã hội và 7 xóm trên địa xã Đức
Lương

Căn cứ thông tư 343/2016/ TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Ủy ban nhân dân xã Đức Lương, huyện Đại Từ báo cáo công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã năm 2025 trình HĐND xã như sau:

1. Nội dung công khai: Công khai số liệu và thuyết minh dự toán ngân sách xã năm 2025 trình HĐND xã.

2. Thời gian niêm yết công khai là 30 ngày: bắt đầu kể từ ngày 26/12/2024 đến hết ngày 26/01/2025.

3. Hình thức công khai: Tại trụ sở UBND xã Đức Lương, công khai trên cổng thông tin điện tử, công khai trên cụm loa truyền thanh của xã, công khai tại nhà văn hóa các xóm.

Vậy UBND xã Đức Lương thực hiện công khai và báo cáo tình hình thực hiện công khai theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Gửi HĐND, UBND (B/C);
- Lưu VT-UB;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
CHỦ TỊCH

Ma Thị Hằng

